

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	10.706.000	5.750.000	4.956.000	5.307.734	884.605	4.423.129	49,58	15,38	89,25
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	457.147		457.147	496.506		496.506	108,61		108,61
	- Chi dân quân tự vệ				245.998		245.998			
	- Chi trật tự an toàn xã hội				250.508		250.508			
2	Chi giáo dục	471.000	400.000	71.000	76.343	49.299	27.044	16,21	12,32	38,09
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế	8.000		8.000	6.800		6.800	85,00		85,00
5	Chi văn hóa, thông tin	440.000	434.000	6.000	212.586	206.586	6.000	48,32	47,60	100,00
6	Chi phát thanh, truyền thanh	10.000		10.000	10.000		10.000	100,00		100,00
7	Chi thể dục, thể thao	9.000		9.000	6.000		6.000	66,67		66,67
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	3.989.000	3.916.000	73.000	1.271.374	628.720	642.654	31,87	16,06	880,35
	- Giao thông				641.589	578.720	62.869			
	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản				567.845	50.000	517.845			
	- Thị chính				61.940		61.940			
	- Thương mại, du lịch									
	- Các hoạt động kinh tế khác									
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.824.853	1.000.000	3.824.853	2.906.117		2.906.117	60,23		75,98
10.1	Quản lý Nhà nước				1.894.094		1.894.094			
10.2	Đảng Cộng sản Việt Nam				393.123		393.123			
10.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				143.663		143.663			
10.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM				69.398		69.398			
10.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ				97.484		97.484			
10.6	Hội Cựu chiến binh				90.036		90.036			
10.7	Hội Nông dân				101.419		101.419			

